TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6 - VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 119/2026/HNGĐ-ST
Ngày 17-7-2026
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - VĨNH LONG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Tuyền.

*Các Hội thẩm nhân dân:*Ông Đoàn Kim Sơn;

Bà Bùi Thị Thúy Bắc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Ngọc Thảo Uyên - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6 - Vĩnh Long.

Ngày 17 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở, Tòa án nhân dân khu vực 6 - Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 240/2026/TLST - HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2026 về việc: *"Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 251/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Hà Thu H, sinh năm: 1978; địa chỉ: 6, ấp S, xã P, tỉnh Vĩnh Long; có văn bản yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Ngọc T, sinh năm: 1973; địa chỉ: 77/79, ấp H (trước đây là ấp P), xã P, tỉnh Vĩnh Long; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, ý kiến trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Hà Thu H trình bày:

Vào năm 2000 bà và ông T do quen biết rồi tự nguyện kết hôn với nhau, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện C, tỉnh Bến Tre (nay là Ủy ban nhân dân xã P, tỉnh Vĩnh Long), được cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 16/12/2002.

Sau khi cưới ông bà chung sống hạnh phúc được một thời gian đầu, sau đó vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, ông T có quen người phụ nữ khác làm cho vợ chồng mất hạnh phúc. Từ khoảng năm 2012 đến nay bà và ông T đã sống ly thân với nhau và không hàn gắn được. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng khó có thể hàn gắn, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài nên bà H yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Hà Thu H yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Ngọc T. Không yêu cầu giải quyết việc cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

Về con chung: Có 02 (hai) người con chung tên Nguyễn Thị Diễm X, sinh ngày: 11/08/2001 và Nguyễn Thị Thu V, sinh ngày: 17/3/2006. Hiện hai con đã trưởng thành, đủ điều kiện nuôi sống bản thân nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết gì liên quan đến những người con chung này.

Về tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ: Không có.

Trong bản tự khai, ý kiến trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là ông Nguyễn Ngọc T trình bày:

Về hôn nhân: Ông T và bà H kết hôn là vào năm 2000, hôn nhân do hai bên tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện C, tỉnh Bến Tre (nay là Ủy ban nhân dân xã P, tỉnh Vĩnh Long) vào ngày 16/12/2002. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một khoảng thời gian thì xảy ra mâu thuẫn do không còn tiếng nói chung. Ông T và bà H đã sống ly thân với nhau cách nay hơn 10 năm, từ khi sống ly thân thì ông T trở về sống chung với cha mẹ ruột tại ấp P (nay là ấp H), xã P cho đến nay.

Đối với yêu cầu ly hôn của bà H thì ông T đồng ý ly hôn nhưng với điều kiện là bà H phải giao toàn bộ tài sản chung của ông T và bà H bao gồm 01 căn nhà và phần đất khoảng 500m² (hiện nay ai đứng tên thì ông T không biết) cho người con chung của ông bà tên Nguyễn Thị Thu V đứng tên. Trường hợp bà H không đồng ý với yêu cầu này thì ông T không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Ông T và bà H có 02 (hai) người con chung tên Nguyễn Thị Diễm X, sinh ngày: 11/08/2001 và Nguyễn Thị Thu V, sinh ngày: 17/3/2006. Hiện hai người con đã trưởng thành, đủ điều kiện nuôi sống bản thân, ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết gì về con chung.

Về tài sản: Tài sản chung của ông T và bà H bao gồm 01 căn nhà và phần đất khoảng 500m² (hiện nay ai đứng tên thì ông T không biết) ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết phân chia tài sản chung của ông và bà H, không yêu cầu bà H chia tài sản gì cho bản thân ông. Ông chỉ yêu cầu bà H phải để tài sản lại cho cho người con chung tên Nguyễn Thị Thu V đứng tên thì ông T sẽ đồng ý ly hôn.

Về nợ: Ông T xác định ông và bà H không có nợ chung.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Nguyên đơn, bị đơn đều vắng mặt nên không có lời trình bày tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Hà Thu H có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về việc: *"Ly hôn"* với ông Nguyễn Ngọc T có địa chỉ tại ấp H (trước đây là ấp P), xã P, tỉnh Vĩnh Long nên Tòa án nhân dân khu vực 6 - Vĩnh Long thụ lý, giải quyết là phù hợp với quy định tại các điều 28, 35 và 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Mặc dù được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định tại Điều 177 của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng bị đơn là ông Nguyễn Ngọc Thanh vắng M tại phiên tòa sơ thẩm, đồng thời bà Hà Thu H có văn bản đề nghị giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà H, ông T là phù hợp với quy định tại các điều 227 và 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Việc kết hôn giữa bà H và ông T là phù hợp với quy định của pháp luật nên hôn nhân của ông bà được pháp luật công nhận và bảo vệ. Trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ cho thấy giữa bà H và ông T đã xảy ra nhiều mâu thuẫn và đã sống ly thân với nhau cách nay hơn 10 năm mà vẫn không hàn gắn được. Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, ông T cũng thể hiện ý kiến đồng ý ly hôn với bà H nhưng với điều kiện bà H phải giao tài sản lại cho con chung của ông bà, lý do ông T nêu là không nhằm mục đích hàn gắn quan hệ hôn nhân với bà H. Từ đó cho thấy quan hệ hôn nhân giữa bà H, ông T đã đến mức trầm trọng, không thể đoàn tụ, mục đích của hôn nhân không đạt nên cần chấp nhận yêu cầu của bà H về việc ly hôn với ông T là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

Bà H, ông T đều không yêu cầu Tòa án giải quyết gì về việc cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn nên không xem xét giải quyết.

[4] Về con chung: Bà H và ông T có 02 (hai) người con chung tên Nguyễn Thị Diễm X, sinh ngày: 11/08/2001 và Nguyễn Thị Thu V, sinh ngày: 17/3/2006 (đã trưởng thành, có khả năng lao động để nuôi sống bản thân); bà H, ông T đều không yêu cầu Tòa án giải quyết gì liên quan đến những người con này nên không xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản: Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, bà H và ông T đều xác định không có yêu cầu giải quyết việc phân chia tài sản chung của vợ chồng, ông T đã được giải thích về quyền và nghĩa vụ trong trường hợp có yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung nhưng ông T không thực hiện trong thời gian đã được ấn định. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết về tài sản chung của bà H, ông T là phù hợp.

[6] Về nợ: Bà H, ông T xác định là không có nợ chung; đồng thời Tòa án nhân dân khu vực 6 - Vĩnh Long cũng không nhận được đơn yêu cầu giải quyết về nợ có liên quan đến vụ án này nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà H phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình; các điều 5, 147, 271, 273, 278, 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên:

1. Về hôn nhân: Bà Hà Thu H được ly hôn với ông Nguyễn Ngọc T.

2. Về con chung: Bà Hà Thu H và ông Nguyễn Ngọc T có 02 (hai) người con chung tên Nguyễn Thị Diễm X, sinh ngày: 11/08/2001 và Nguyễn Thị Thu V, sinh ngày: 17/3/2006 (đã trưởng thành, đủ điều kiện nuôi sống bản thân). Bà H, ông T đều không yêu cầu Tòa án giải quyết gì liên quan đến những người con này nên không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản: Bà Hà Thu H và ông Nguyễn Ngọc T đều không có yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về nợ: Bà Hà Thu H và ông Nguyễn Ngọc T xác định là không có nợ chung; đồng thời Tòa án nhân dân khu vực 6 - Vĩnh Long cũng không nhận được đơn yêu cầu giải quyết về nợ có liên quan đến vụ án nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Hà Thu H phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm; nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008827 ngày 11 tháng 5 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long, bà H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

6. *Về quyền kháng cáo, kháng nghị đối với bản án:* Bà Hà Thu H, ông Nguyễn Ngọc T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày được nhận bản án hoặc ngày bản án được niêm yết; Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Vĩnh Long có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án; Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Vĩnh Long nhận được bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long giải quyết lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND khu vực 6 - Vĩnh Long;
- UBND xã P, tỉnh Vĩnh Long;
- Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long;
- Phòng GĐ,KTr,TT&THA TAND tỉnh Vĩnh Long;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Vp, Bp.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Thị Ngọc Tuyền